TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **28**/2019/DS-ST
Ngày: 22/5/2019
V/v T/C Hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khanh.
2. Ông Trần Xươnne.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Chánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 22/5/2019, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 83/2019/TLST-DS ngày 16/04/2019 về việc "Tranh chấp Hợp đồng góp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2019/QĐXXST-DS ngày 06/5/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Lê Quốc K**, sinh năm 1981 (có mặt).

Bà **Lê Thị Bích H**, sinh năm 1981 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số X, ấp L, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Bà **Phạm Thị Tuyết M**, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỏngỉ: ấp H, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau: Theo đơn khởi kiện ngày 11/4/2019, nguyên đơn ông Lê Quốc K và bà Lê Thị Bích H trình bày:

Bà Phạm Thị Tuyết M là đầu thảo hụi, vợ chồng ông K, bà H là hụi viên, có tham gia chơi hụi của bà M 02 dây hụi và mua 04 dây hụi. Tháng 02/2019 bà M úp hụi không khui, số tiền bà M thiếu vợ chồng ông bà cụ thể như sau:

Hụi tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 15/5/2018, hụi mãn ngày 15/12/2019, có 20 người tham gia, vợ chồng ông bà tham gia 02 dây:

+ Dây 1: Đóng hụi sống được 08 lần vốn = 10.295.000 đồng.

+ Dây 2: Đóng hụi sống được 08 lần vốn + bà M đồng ý trả một phần lãi là 3.000.000 đồng = 13.295.000 đồng.

Tổng cộng số tiền là 23.590.000 đồng.

* Phần hụi vợ chồng ông bà mua của bà M:

1/ Hụi tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 15/5/2018, hụi mãn ngày 15/12/2019, có 20 phần, vợ chồng ông K, bà H mua 01 dây, số tiền là 27.800.000 đồng. Sau khi mua hụi thì bà M bể hụi. Như vậy dây hụi mua này bà M phải trả cho vợ chồng ông K, bà H số tiền 27.800.000 đồng.

2/ Hụi tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 19/01/2018, hụi mãn ngày 19/12/2019, có 24 phần, vợ chồng ông K, bà H mua 01 dây, số tiền là 32.470.000 đồng. Sau khi mua hụi thì bà M bể hụi. Như vậy dây hụi mua này bà M phải trả cho vợ chồng ông K, bà H số tiền 32.470.000 đồng.

3/ Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 28/6/2017, hụi mãn ngày 28/5/2019, có 24 phần, vợ chồng ông K, bà H mua 01 dây, số tiền là 15.650.000 đồng. Vợ chồng ông K, bà H hốt được 17.000.000 đồng, bà M giao hụi 7.000.000 đồng, còn thiếu lại 10.000.000 đồng.

Tổng số tiền 03 dây hụi mua, bà M thiếu vợ chồng ông K, bà H số tiền là 70.270.000 đồng.

Cộng hai khoản tiền nợ nêu trên: 23.590.000 đồng + 70.270.000 đồng = 93.860.000 đồng.

Nay vợ chồng ông K, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Phạm Thị Tuyết M trả cho vợ chồng ông bà số tiền hụi là 93.860.000 đồng.

Bị đơn bà Phạm Thị Tuyết M trình bày: Bà M thống nhất với tất cả lời trình bày và yêu cầu của vợ chồng ông K, bà H nêu trên. Bà M thừa nhận còn nợ tiền hụi của vợ chồng ông Lê Quốc K và bà Lê Thị Bích H là 93.860.000 đồng. Tuy nhiên, do hiện chồng bà bệnh, bà có thu nhập bấp bênh và còn nợ nhiều hụi viên khác nên không có khả năng trả ngay cho vợ chồng ông K, bà H. Bà M yêu cầu được trả dần 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết số nợ 93.860.000 đồng.

Tại phiên tòa, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Lê Quốc K, bà Lê Thị Bích H và bị đơn bà Phạm Thị Tuyết M đã thống nhất có giao dịch Hợp đồng góp hụi với nhau ở các dây hụi sau: Hụi tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 15/5/2018, hụi mãn ngày 15/12/2019, có 20 người tham gia, vợ chồng ông bà tham gia 02 phần (Phần 1: Đóng hụi sống được 08 lần vốn = 10.295.000 đồng; Phần 2: Đóng hụi sống được 08 lần vốn + bà M đồng ý trả một phần lãi là 3.000.000 đồng = 13.295.000 đồng; Hụi tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 15/5/2018, hụi mãn ngày 15/12/2019, có 20 phần, vợ chồng ông K, bà H mua 01 dây, số tiền là 27.800.000 đồng; Hụi tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 19/01/2018, hụi mãn ngày 19/12/2019, có 24 phần, vợ chồng ông K, bà H mua 01 dây, số tiền là 32.470.000 đồng; Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 28/6/2017, hụi mãn ngày 28/5/2019, có 24 phần, vợ chồng ông K, bà H mua 01 dây, số tiền là 15.650.000 đồng. Vợ chồng ông K, bà H hốt được 17.000.000 đồng, bà M giao hụi 7.000.000 đồng, còn thiếu lại 10.000.000 đồng. Hợp đồng góp hụi giữa vợ chồng ông K, bà H và bà M được lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, khi giao kết hợp đồng phía vợ chồng ông K, bà H và bà M đều là những người có đủ năng lực hành vi dân sự nên giao dịchồng trên giữa vợ chồng ông K, bà H và bà M là hợp pháp. Các đương sự đã thống nhất bà M còn nợ vợ chồng ông K, bà H số tiền hụi của tất cả các dây hụi trên là 93.860.000 đồng. Đây là những tình tiết không phải chứng minh theo quy đinh tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nay nguyên đơn ông Lê Quốc K và bà Lê Thị Bích H yêu cầu bà Phạm Thị Tuyết M trả số tiền nợ hụi là 93.860.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Từ đó, Hội đồng xét xử cần căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015, Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường, buộc bà Phạm Thị Tuyết M có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Lê Quốc K và bà Lê Thị Bích H số tiền nợ hụi là 93.860.000 đồng.

[2] Xét yêu cầu trả dần số tiền nợ hụi của bị đơn bà Phạm Thị Tuyết M, Hội đồng xét xử xét thấy thuộc lĩnh vực Thi hành án nên không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà Phạm Thị Tuyết M phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 93.860.000 đồng x 5 % = 4.693.000 đồng.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 357, 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quốc K và bà Lê Thị Bích H về việc yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị Tuyết M trả số tiền nợ hụi là 93.860.000 đồng. Buộc bị đơn bà Phạm Thị Tuyết M có trách nhiệm trả cho ông Lê Quốc K và bà Lê Thị Bích H số tiền nợ hụi là 93.860.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Lê Quốc K và bà Lê Thị Bích H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Phạm Thị Tuyết M còn phải có trách nhiệm trả lãi cho ông Lê Quốc K và bà Lê Thị Bích H theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 4.693.000 đồng, bà Phạm Thị Tuyết M phải chịu là 4.693.000 đồng. Ông Lê Quốc K và bà Lê Thị Bích H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.346.500 đồng từ Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008471 ngày 11/4/2019 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thu.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a ,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Linh Đa